

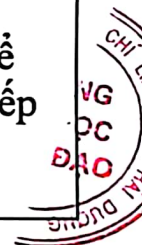
**THÔNG BÁO**  
**Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2024-2025**

| STT | Nội dung                                         | Chia theo khối lớp                                                                                  |                                                                                                                           |                                                                                                                           |                                                                                                                           |                                                                                                                           |
|-----|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                  | Lớp 1                                                                                               | Lớp 2                                                                                                                     | Lớp 3                                                                                                                     | Lớp 4                                                                                                                     | Lớp 5                                                                                                                     |
| I   | Điều kiện tuyển sinh                             | Trẻ đủ 6 tuổi trên địa bàn phường                                                                   | Học sinh hoàn thành chương trình lớp 1, hoàn thành các môn học và các hoạt động GD, đạt yêu cầu về năng lực và phẩm chất. | Học sinh hoàn thành chương trình lớp 2, hoàn thành các môn học và các hoạt động GD, đạt yêu cầu về năng lực và phẩm chất. | Học sinh hoàn thành chương trình lớp 3, hoàn thành các môn học và các hoạt động GD, đạt yêu cầu về năng lực và phẩm chất. | Học sinh hoàn thành chương trình lớp 4, hoàn thành các môn học và các hoạt động GD, đạt yêu cầu về năng lực và phẩm chất. |
| II  | Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ | Thực hiện theo Chương trình lớp 1 ban hành kèm theo TT09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT | Thực hiện theo Chương trình lớp 2 ban hành kèm theo TT09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT                       | Thực hiện theo Chương trình lớp 3 ban hành kèm theo TT09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT                       | Thực hiện theo Chương trình lớp 4 ban hành kèm theo TT09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT                       | Thực hiện theo Chương trình lớp 5 ban hành kèm theo TT09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024                                    |



| STT | Nội dung                                                                                        | Chia theo khối lớp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                 | Lớp 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Lớp 2                                                                                                                                                                                               | Lớp 3                                                                                                                                                                                               | Lớp 4                                                                                                                                                                                               | Lớp 5                                                                                                                                                                                               |
| III | Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.<br>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện phối hợp theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học và Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường tổ chức họp với toàn thể phụ huynh học sinh toàn trường định kì 1 năm 3 lần (đầu năm học, cuối học kì I, cuối năm) nhằm thông báo kết quả học tập của học sinh, chất lượng giáo dục của nhà trường và các điều kiện về CSVC, đội ngũ giáo viên, thống nhất các biện pháp phối kết hợp giữa gia đình và nhà trường trong hỗ trợ các điều kiện phục vụ công tác giáo dục của nhà trường.</li> <li>- Hàng tháng, GVCN có trách nhiệm thông báo kết quả học tập và rèn luyện của học sinh trong lớp tới phụ huynh học sinh và tiếp thu ý kiến đóng góp của phụ huynh thông qua điện thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản/web đơn vị hoặc tin nhắn điện tử.</li> <li>- Thái độ học tập: Học sinh có ý thức tự giác, tích cực, chủ động và ý thức vươn lên trong học tập.</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                     |
| IV  | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục                           | <p>Thực hiện hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh nghèo, học sinh khuyết tật cận nghèo, hỗ trợ đồ dùng học tập học sinh cận nghèo khuyết tật theo đúng quy định của nhà nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm các khoản đóng góp theo quy định cho học sinh nghèo, cận nghèo, khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.</li> <li>- Phối kết hợp với các ngành, cơ quan (Bảo hiểm, khuyến học, Chữ thập đỏ....) cấp học bổng (bằng tiền hoặc hiện vật) cho học sinh nghèo nhân dịp khai giảng, Tết Nguyên Đán,...</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                     |
| V   | Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thường xuyên các môn học và hoạt động giáo dục: 100%.</li> <li>- Đánh giá định kì đạt 100%.</li> <li>- Năng lực và phẩm chất: đạt 100%</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thường xuyên các môn học và hoạt động giáo dục: 100%.</li> <li>- Đánh giá định kì đạt 100%.</li> <li>- Năng lực và phẩm chất: đạt 100%</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thường xuyên các môn học và hoạt động giáo dục: 100%.</li> <li>- Đánh giá định kì đạt 100%.</li> <li>- Năng lực và phẩm chất: đạt 100%</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thường xuyên các môn học và hoạt động giáo dục: 100%.</li> <li>- Đánh giá định kì đạt 100%.</li> <li>- Năng lực và phẩm chất: đạt 100%</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thường xuyên các môn học và hoạt động giáo dục: 100%.</li> <li>- Đánh giá định kì đạt 100%.</li> <li>- Năng lực và phẩm chất: đạt 100%</li> </ul> |

|    |                                        |                                                                                             |                                                                                             |                                                                                             |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                             |
|----|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                        | - Tỷ lệ học sinh được khen thưởng đạt trên 75,6% trở lên (Trong đó, HS HTXS: 51,2% trở lên) | - Tỷ lệ học sinh được khen thưởng đạt trên 74,7% trở lên (Trong đó, HS HTXS: 50,7% trở lên) | - Tỷ lệ học sinh được khen thưởng đạt trên 68,8% trở lên (Trong đó, HS HTXS: 45,5% trở lên) | - Tỷ lệ học sinh được khen thưởng đạt trên 68,5% trở lên (Trong đó, HS HTXS: 35,9% trở lên)<br>- Có HS tham gia các hội thi giao lưu cấp thành phố đạt giải. | - Tỷ lệ học sinh được khen thưởng đạt trên 71,3% trở lên (Trong đó, HS HTXS: 38,6% trở lên)<br>- Có HS tham gia các hội thi giao lưu cấp thành phố đạt giải |
| II | Khả năng học tập tiếp tục của học sinh | Đủ điều kiện để tham gia học tiếp các lớp trên                                              | Đủ điều kiện để tham gia học tiếp các lớp trên                                              | Đủ điều kiện để tham gia học tiếp các lớp trên                                              | Đủ điều kiện để tham gia học tiếp các lớp trên                                                                                                               | Đủ điều kiện để tham gia học tiếp THCS                                                                                                                      |



Hưng Đạo ngày 05 tháng 9 năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Thị Thanh Tâm**

UBND THÀNH PHỐ CHÍ LÍNH  
TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG ĐẠO

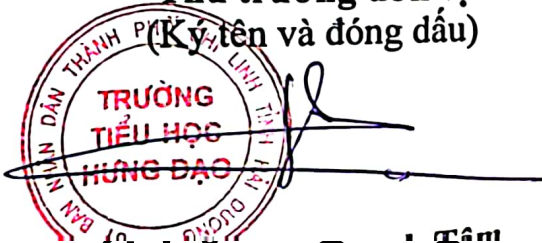
THÔNG BÁO  
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2023-2024

| STT | Nội dung                                                           | Tổng số | Chia ra theo khối lớp |       |       |       |       |
|-----|--------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------|-------|-------|-------|-------|
|     |                                                                    |         | Lớp 1                 | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 |
| I   | Tổng số học sinh                                                   | 432     | 77                    | 96    | 104   | 74    | 81    |
| II  | Số học sinh học 2 buổi/ngày                                        | 432     | 77                    | 96    | 104   | 74    | 81    |
| III | Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất                          | 432     | 77                    | 96    | 104   | 74    | 81    |
| 1   | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                      | 310     | 58                    | 73    | 72    | 55    | 52    |
| 2   | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                      | 121     | 18                    | 23    | 32    | 19    | 29    |
| 3   | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số)                              | 1       | 1                     |       |       |       |       |
| IV  | Số học sinh chia theo kết quả học tập                              | 432     | 77                    | 96    | 104   | 74    | 81    |
| 1   | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                           | 283     | 58                    | 73    | 73    | 41    | 38    |
| 2   | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)                               | 148     | 18                    | 23    | 31    | 33    | 43    |
| 3   | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)                          | 1       | 1                     |       |       |       |       |
| V   | Tổng hợp kết quả cuối năm                                          |         |                       |       |       |       |       |
| 1   | Lên lớp<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                  | 431     | 76                    | 96    | 104   | 74    | 81    |
| a   | Trong đó:<br>HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số) | 306     | 57                    | 73    | 67    | 52    | 57    |
| b   | HS được cấp trên khen thưởng<br>(tỷ lệ so với tổng số)             |         |                       |       |       |       |       |
| 2   | Ở lại lớp<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                | 1       | 1                     | 0     | 0     | 0     | 0     |

Hưng Đạo, ngày 05 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



## THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2024-2025

| STT | Nội dung                                                                           | Số lượng              | Bình quân                      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|
| I   | Số phòng học/số lớp                                                                | 14/14                 | 31 học sinh/lớp                |
| II  | Loại phòng học                                                                     |                       | -                              |
| 1   | Phòng học kiên cố                                                                  | 14                    | 1,9 m <sup>2</sup> /học sinh   |
| 2   | Phòng học bán kiên cố                                                              | 1                     | -                              |
| 3   | Phòng học tạm                                                                      | 0                     | -                              |
| 4   | Phòng học nhờ                                                                      | 0                     | -                              |
| III | Số điểm trường lẻ                                                                  | 1                     | -                              |
| IV  | Tổng diện tích đất (m <sup>2</sup> )                                               | 6518 m <sup>2</sup>   | 15,01 m <sup>2</sup> /học sinh |
| V   | Diện tích sân chơi, bãi tập (m <sup>2</sup> )                                      | 2550 m <sup>2</sup>   | 5,8 m <sup>2</sup> /học sinh   |
| VI  | Tổng diện tích các phòng                                                           | 835,28 m <sup>2</sup> |                                |
| 1   | Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )                                              | 709,28 m <sup>2</sup> |                                |
| 2   | Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )                                               | 54 m <sup>2</sup>     |                                |
| 3   | Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m <sup>2</sup> )               | 0                     |                                |
| 4   | Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m <sup>2</sup> )                              | 0                     |                                |
| 5   | Diện tích phòng ngoại ngữ (m <sup>2</sup> )                                        | 54 m <sup>2</sup>     |                                |
| 6   | Diện tích phòng học tin học (m <sup>2</sup> )                                      | 54 m <sup>2</sup>     |                                |
| 7   | Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m <sup>2</sup> )                                | 18 m <sup>2</sup>     |                                |
| 8   | Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m <sup>2</sup> ) | 18 m <sup>2</sup>     |                                |
| 9   | Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m <sup>2</sup> )                    | 18 m <sup>2</sup>     |                                |
| VII | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)                               | 15                    | 1,07 bộ/lớp                    |
| 1   | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định                           |                       |                                |
| 1.1 | Khối lớp 1                                                                         | 3                     | 1 bộ/1 lớp                     |
| 1.2 | Khối lớp 2                                                                         | 3                     | 1 bộ/1 lớp                     |
| 1.3 | Khối lớp 3                                                                         | 3                     | 1,5 bộ/1 lớp                   |
| 1.4 | Khối lớp 4                                                                         | 3                     | 1 bộ/1 lớp                     |



|      |                                                                         |    |            |
|------|-------------------------------------------------------------------------|----|------------|
| 1.5  | Khối lớp 5                                                              | 3  | 1 bộ/1 lớp |
| 2    | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định            |    |            |
| 2.1  | Khối lớp 1                                                              |    |            |
| 2.2  | Khối lớp 2                                                              |    |            |
| 2.3  | Khối lớp 3                                                              |    |            |
| 2.4  | Khối lớp 4                                                              |    |            |
| 2.5  | Khối lớp 5                                                              |    |            |
| VIII | Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ) | 16 |            |
| IX   | Tổng số thiết bị dùng chung khác                                        | 8  |            |
| 1    | Ti vi                                                                   | 17 |            |
| 2    | Cát xét                                                                 | 1  |            |
| 3    | Đầu Video/đầu đĩa                                                       | 2  |            |
| 4    | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể                                    | 3  |            |
| 5    | Thiết bị khác...                                                        |    |            |
| 6    | .....                                                                   |    |            |

|    | Nội dung | Số lượng(m <sup>2</sup> ) |
|----|----------|---------------------------|
| X  | Nhà bếp  | 70 m <sup>2</sup>         |
| XI | Nhà ăn   |                           |

|      | Nội dung                        | Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) | Số chỗ | Diện tích bình quân/chỗ |
|------|---------------------------------|--------------------------------------------------|--------|-------------------------|
| XII  | Phòng nghỉ cho học sinh bán trú | 278,64                                           | 235    | 1,2                     |
| XIII | Khu nội trú                     | 0                                                | 0      | 0                       |

| XIV | Nhà vệ sinh             | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh |        | Số m <sup>2</sup> /học sinh |        |
|-----|-------------------------|--------------------|-------------------|--------|-----------------------------|--------|
|     |                         |                    | Chung             | Nam/Nữ | Chung                       | Nam/Nữ |
| 1   | Đạt chuẩn vệ sinh*      | x                  |                   | x      |                             | 0,2    |
| 2   | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* |                    |                   |        |                             |        |

(\*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

|       |                                              | Có | Không |
|-------|----------------------------------------------|----|-------|
| XV    | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh             | Có |       |
| XVI   | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)           | Có |       |
| XVII  | Kết nối internet                             | Có |       |
| XVIII | Trang thông tin điện tử (website) của trường | Có |       |
| XIX   | Tường rào xây                                | Có |       |

Hưng Đạo, ngày 05 tháng 9 năm 2024

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)



**Nguyễn Thị Thanh Tâm**

NG  
OC  
ĐẠI  
CNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2024-2025

| STT | Nội dung                                       | Tổng số | Trình độ đào tạo |     |    |    |    |         | Hạng chức danh nghề nghiệp |          |         |        | Chuẩn nghề nghiệp |     |            |     |
|-----|------------------------------------------------|---------|------------------|-----|----|----|----|---------|----------------------------|----------|---------|--------|-------------------|-----|------------|-----|
|     |                                                |         | TS               | ThS | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC | Hạng IV                    | Hạng III | Hạng II | Hạng I | Xuất sắc          | Khá | Trung bình | Kém |
|     | Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên | 23      |                  |     | 20 | 3  |    |         | 1                          | 13       | 7       | 2      | 11                | 10  |            |     |
| I   | Giáo viên                                      | 19      |                  |     | 16 | 3  |    |         | 0                          | 13       | 5       | 1      | 9                 | 10  |            |     |
|     | Trong đó số giáo viên chuyên biệt:             |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |        |                   |     |            |     |
| 1   | Tiếng dân tộc                                  |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |        |                   |     |            |     |
| 2   | Ngoại ngữ                                      | 2       |                  |     | 1  |    |    |         |                            | 1        | 1       |        |                   | 2   |            |     |
| 3   | Tin học                                        | 1       |                  |     | 1  |    |    |         |                            | 1        |         |        | 1                 |     |            |     |
| 4   | Âm nhạc                                        | 1       |                  |     | 1  |    |    | 1       |                            |          |         |        | 1                 |     |            |     |
| 5   | Mỹ thuật                                       | 1       |                  |     | 1  |    |    |         |                            |          | 1       |        |                   | 1   |            |     |
| 6   | Thể dục                                        | 1       |                  |     | 1  |    |    |         |                            | 1        |         |        |                   | 1   |            |     |
| II  | Cán bộ quản lý                                 | 2       |                  |     | 2  |    |    |         |                            |          |         | 2      | 2                 |     |            |     |
| 1   | Hiệu trưởng                                    | 1       |                  |     | 1  |    |    |         |                            |          | 1       |        | 1                 |     |            |     |
| 2   | Phó hiệu trưởng                                | 1       |                  |     | 1  |    |    |         |                            |          |         | 1      | 1                 |     |            |     |
| III | Nhân viên                                      | 2       |                  |     | 2  |    |    |         |                            |          |         |        |                   |     |            |     |
| 1   | Nhân viên văn thư                              |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |        |                   |     |            |     |
| 2   | Nhân viên kế toán                              | 1       |                  |     | 1  |    |    |         |                            |          | 1       |        |                   |     |            |     |
| 3   | Thủ quỹ                                        |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |        |                   |     |            |     |
| 4   | Nhân viên y tế                                 |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |        |                   |     |            |     |
| 5   | Nhân viên thư viện                             | 1       |                  |     | 1  |    |    |         | 1                          |          |         |        |                   |     |            |     |
| 6   | Nhân viên thiết bị, thí nghiệm                 |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |        |                   |     |            |     |
| 7   | Nhân viên công nghệ thông tin                  |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |        |                   |     |            |     |
| 8   | Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật     |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |        |                   |     |            |     |
| 9   | ...                                            |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |        |                   |     |            |     |

Hưng Đạo, ngày 05 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)  
  
Thị Thanh Tâm